

Số: 108 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2018
sửa đổi, bổ sung một số nội dung về định mức phân bổ dự toán chi
thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 -
năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo
Nghị quyết 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh**

CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 9884
	Ngày: 25 / 10 / 18
	Chuyển:

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Trên cơ sở nội dung Công văn số 341/HĐND-KTNS ngày 24/9/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số nội dung về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh cơ bản thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đã được ban hành, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hợp lý trong phân bổ dự toán ngân sách, tăng tính chủ động, linh hoạt trong xây dựng dự toán ngân sách cũng như trong quản lý và sử dụng ngân sách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, qua rà soát, UBND tỉnh xét thấy định mức phân bổ chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và định mức phân bổ thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính đối với đô thị loại II, loại IV theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của cơ quan hành chính, hoạt động sự nghiệp giáo dục và thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính; vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết nêu trên để thực hiện từ năm ngân sách 2019 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Điều chỉnh định mức phân bổ chi quản lý hành chính, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và định mức phân bổ thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II, loại IV nhằm đáp ứng được nhu cầu hoạt động của cơ quan hành chính, hoạt động sự nghiệp giáo dục và thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II, loại IV trong thời gian đến.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng từ năm ngân sách 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 để đáp ứng với nhu cầu hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

2. Nội dung

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh, như sau:

2.1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1:

“2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: Áp dụng theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao), không bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, cụ thể:

DVT: Triệu đồng/biên chế/năm

<i>Tiêu chí</i>	<i>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh</i>	<i>Định mức đề nghị điều chỉnh</i>
<i>Từ biên chế thứ 20 trở xuống</i>	<i>26</i>	<i>36</i>

<i>Từ biên chế thứ 21 đến thứ 40</i>	24	33
<i>Từ biên chế thứ 41 trở lên</i>	22	30

Định mức phân bổ bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, truyền truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư; chi hỗ trợ hoạt động công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Kinh phí chi quản lý hành chính thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đến ngày 30/9/2018.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Định mức phân bổ không bao gồm:

- Quỹ tiền lương tại khoản 1 Điều này.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các sở, cơ quan tỉnh: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, Hội nghị cấp tỉnh được cấp thẩm quyền cho phép; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành được UBND tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của các cơ quan không đưa được vào định mức phân bổ: trang phục, kinh phí trích theo sổ thu thực nộp ngân sách địa phương; kinh phí hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; kinh phí sản xuất hiện vật thi đua khen thưởng.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định”.

2.2. Điều chỉnh cụm từ “Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004

của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh” được quy định khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 thành cụm từ “Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh”; vì, Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ đã được thay thế Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

2.3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 6:

“1. Phân bổ theo tiêu chí biên chế và chia theo vùng.

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Định mức phân bổ đề nghị điều chỉnh
Đô thị	20	24
Đồng bằng	21	26
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	22	28
Vùng cao - hải đảo	22	30

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bổ sung để đảm bảo các hoạt động ở huyện, thành phố:

Bổ sung kinh phí cho huyện để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND huyện, một số nhiệm vụ khác (bao gồm cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp) theo các mức sau:

a) Huyện Tây Trà, Sơn Tây, Lý Sơn: 4.000 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 3.200 triệu đồng/huyện/năm).

b) Huyện Ba Tư, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long: 3.800 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 3.000 triệu đồng/huyện/năm).

c) Các huyện, thành phố còn lại: 3.500 triệu đồng/huyện/năm (đang thực hiện 2.700 triệu đồng/huyện/năm).

d) Các huyện, thành phố còn lại: 3.700 triệu đồng/huyện/năm”.

2.4. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 7:

“1. Định mức phân bổ: Theo tiêu chí dân số từ 1 đến 15 tuổi và theo vùng:

Phân theo vùng	Đồng/người/năm	
	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Định mức phân bổ đề nghị điều chỉnh
Đô thị	500.000	600.000
Đồng bằng	500.000	700.000
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	700.000	900.000
Vùng cao - hải đảo	700.000	1.000.000

Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi giảng dạy và học tập nhỏ hơn 18% so chi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và phụ cấp được tính bảo hiểm xã hội thì được bổ sung đủ 18%.

2. Định mức phân bổ trên bao gồm:

a) Tính đủ kinh phí hoạt động cho các cấp giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở và Trung tâm giáo dục nghề - Giáo dục thường xuyên.

b) Chi tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Ngoài ra, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện việc chống xuống cấp cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh.

3. Bổ nội dung “Bổ sung cho các huyện Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà, Minh Long, Ba Tư có dân số trong độ tuổi đến trường thấp hơn 20.000 dân để đảm bảo hoạt động giáo dục, mỗi huyện 2.000 triệu đồng”.

Lý do đề nghị bỏ: Đã điều chỉnh tăng định mức, đồng thời phân bổ kinh phí đảm bảo đủ 18% trên tổng chi sự nghiệp giáo dục như đã nêu trên”.

2.5. Bổ sung vào cuối Khoản 1 Điều 15:

“Ngoài ra, bổ sung thêm để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II là 15.000 triệu đồng, đô thị loại IV là 7.500 triệu đồng”.

Lý do bổ sung: Với định mức theo quy định hiện nay, UBND thành phố Quảng Ngãi và UBND huyện Đức Phổ không đảm bảo kinh phí để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính (chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng, sửa chữa,...) và UBND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho UBND thành phố Quảng Ngãi và UBND huyện Đức Phổ.

2.6. Sửa đổi Điều 18:

“Được tính 2% trên tổng chi ngân sách cấp huyện”

Lý do sửa đổi: Cho phù hợp với quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

2.7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 19:

“1. Theo tiêu chí số cán bộ, công chức xã và theo vùng.

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

<i>Phân theo vùng</i>	<i>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh</i>	<i>Định mức phân bổ đề nghị điều chỉnh</i>
<i>Đô thị</i>	<i>14</i>	<i>17</i>
<i>Đồng bằng</i>	<i>14</i>	<i>18</i>
<i>Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu</i>	<i>15</i>	<i>19</i>
<i>Vùng cao - hải đảo</i>	<i>15</i>	<i>20</i>

2. Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bổ sung kinh phí cho cấp xã để đảm bảo các hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND cấp xã, thù lao đội công tác xã hội tình nguyện theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 và một số nhiệm vụ khác theo các mức sau:

a) Xã hải đảo: 600 triệu đồng/xã/năm (đang thực hiện 500 triệu đồng/xã/năm).

b) Xã vùng cao: 550 triệu đồng/xã/năm (đang thực hiện 450 triệu đồng/xã/năm).

c) Các xã, phường, thị trấn còn lại: 500 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm (đang thực hiện 400 triệu đồng/xã/năm)".

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí tăng thêm do thay định mức và nguồn kinh phí thực hiện:

a) Tổng kinh phí tăng thêm do thay đổi định mức khoảng 207 tỷ đồng, gồm:

- Chi quản lý hành chính tăng khoảng 79 tỷ đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục tăng khoảng 87 tỷ đồng.
- Chi thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II và loại IV là 22,5 tỷ đồng

- Các khoản chi tính theo tỷ lệ phần trăm tổng các khoản chi thường xuyên tăng thêm do điều chỉnh định mức (sự nghiệp kinh tế, chi khác và dự phòng) tăng khoảng 18,5 tỷ đồng

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Đối với kinh phí chi quản lý hành chính tăng khoảng 79 tỷ đồng, được bố trí từ các nguồn sau:

+ Đối với các Sở, ban ngành và các cơ quan đơn vị khác thuộc tỉnh: Cắt giảm khoảng 10% kinh phí giao không tự chủ khoảng 15 tỷ đồng.

+ Giảm phần kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để chi cho hoạt động quản lý hành chính do ngân sách huyện đảm bảo nhưng không đủ nguồn khoảng 8,5 tỷ đồng.

+ Kinh phí còn thiếu khoảng 55,5 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh hàng năm.

- Đối với kinh phí sự nghiệp giáo dục tăng khoảng 87 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục theo định mức do Trung ương giao (phần chênh lệch giữa Trung ương giao và định mức do UBND tỉnh ban hành; năm 2018 chênh lệch khoảng 108 tỷ đồng).

- Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính tại đô thị loại II, loại IV và kinh phí tăng thêm tính theo tỷ lệ phần trăm tổng các khoản chi thường xuyên khoảng 41 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh hàng năm.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:

Sau khi được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 684b/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, lần thứ 11.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat634.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng